

DẠY HỌC TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC RỐI LOẠN PHỔ TỰ KỈ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Nguyễn Thị Dung - Trường Đại học Hải Phòng

Vũ Vân Anh - Nguyễn Thị Ngọc Mai - Sinh viên Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non, Trường Đại học Hải Phòng

Ngày nhận bài: 20/01/2020; ngày chỉnh sửa: 05/02/2020; ngày duyệt đăng: 14/02/2020.

Abstract: Nowadays, the number of students with autism in Vietnam in general and in Hai Phong in particular is increasing day by day. These students have many differences from normal students such as behavior, personality and cognitive development. As a result, they have many difficulties in learning and life. It is necessary to have specific and special methods in order to teach children with autism especially in teaching Vietnamese. The article proposes specialized teaching measures, which are suitable for the characteristics of autistic students to help them study well, contribute to improve their language and communication skills. At the same time it helps autistic students to integrate with the community.

Keywords: Teaching Vietnamese, elementary student, Autism spectrum disorder.

1. Mở đầu

Tự kỉ - nói một cách rõ rệt hơn là rối loạn phổ tự kỉ được mô tả từ những năm 40 của thế kỉ XX. Năm 1943, nhờ công trình nghiên cứu của bác sĩ tâm thần Leo Kanner, tự kỉ đã được toàn xã hội công nhận. Hiện nay, chứng tự kỉ đang dần trở nên phổ biến, trở thành một vấn đề mang tính xã hội, tính thời sự cấp bách. Số lượng cũng như tỉ lệ học sinh (HS) mắc chứng tự kỉ ngày càng tăng cao, theo *Trung tâm Kiểm soát và Phòng bệnh (CDC)* của Mỹ, tỉ lệ rối loạn phổ tự kỉ năm 2007 là 1/150 HS, năm 2009 là 1/110 HS và năm 2014 là 1/68 HS. Còn ở Việt Nam, tại Bệnh viện Nhi Trung ương, số HS được chẩn đoán qua các năm là: năm 2008 là 450 HS, năm 2009 là 936 HS, năm 2010 là 1.792 HS. Điều này đặt ra yêu cầu cấp bách hiện nay là đẩy lùi chứng tự kỉ, giúp những HS này hòa nhập với cộng đồng xã hội.

Tự kỉ là một dạng khuyết tật phát triển, được đặc trưng bởi khiếm khuyết chính về giao tiếp, tương tác xã hội, hành vi, sở thích, hoạt động mang tính hạn hẹp, lặp đi lặp lại. HS tự kỉ có những đặc điểm riêng khác biệt so với những HS bình thường, được khái quát như sau: *Thứ nhất*, hành vi của HS tự kỉ chia thành hành vi rập khuôn, hành vi tự gây thương tích và hành vi gây rối. Hành vi rập khuôn là những hành vi lặp đi lặp lại và không thích hợp như thích đi đi lại lại trong phòng, thích xếp các đồ vật thành hàng thẳng, vặn, xoắn, xoay các ngón tay, bàn tay, nói đi nói lại một vài từ không đúng ngữ cảnh, ... Hành vi tự gây thương tích cho bản thân như đập đầu, cắn hoặc đập tay vào đầu. ... Hành vi gây rối là những hành vi của HS tự kỉ gây phiền phức hoặc đánh những người xung quanh; *Thứ hai*, theo Les Roberts (2003), HS tự kỉ gặp khó khăn trong việc hiểu biết các tình huống liên quan đến quan hệ xã hội như: không giao tiếp bằng mắt, hình thức giao tiếp nghèo nàn,

khó khăn trong việc hiểu các trạng thái tâm lí của người khác [1], trong việc đoán biết những nhu cầu, ý muốn và thái độ của người khác; không hiểu những trạng thái tình cảm phức tạp như hãnh diện, tự hào, ngượng ngập; không hiểu những diễn biến logic trong quá trình giao tiếp xã hội nói chung và giao tiếp với người khác nói riêng [2]; *Thứ ba*, HS tự kỉ khiếm khuyết trong giao tiếp chức năng, với khoảng 50% HS tự kỉ không thể sử dụng ngôn ngữ lời nói theo chức năng [3]. Hầu hết HS tự kỉ biểu hiện sự cô lập, thích chơi một mình, tránh giao tiếp với các bạn. Một số HS tự kỉ khi giao tiếp có thói quen nhại lời. Ngôn ngữ diễn đạt của HS tự kỉ rất đơn điệu, nghèo nàn về vốn từ và gặp khó khăn trong quá trình tạo câu khi giao tiếp có kết cấu câu đầy đủ chủ ngữ, vị ngữ, các liên từ như “thì”, “là”, “mà” ... Sự tập trung của HS tự kỉ tương đối ngắn, trong quá trình quan sát, HS thường chỉ chú ý vào chi tiết mà bỏ qua tổng thể. Chính những đặc điểm trên đã khiến HS tự kỉ gặp nhiều khó khăn trong quá trình học tập.

Khi học Tiếng Việt, HS phải hình thành các kĩ năng nghe - nói - đọc - viết, vận dụng vốn từ cũng như khả năng giao tiếp của bản thân để hoàn thành yêu cầu một cách tốt nhất. Nhưng với HS tự kỉ, bản thân đã mắc khiếm khuyết về giao tiếp, tương tác xã hội, ... nên việc hoàn thành tốt môn Tiếng Việt ở tiểu học là một trở ngại khá lớn. Vì vậy, qua bài viết này, chúng tôi đề xuất phương pháp giúp HS tự kỉ có thể học tốt môn Tiếng Việt, góp phần nâng cao khả năng ngôn ngữ, giao tiếp, đồng thời giúp HS hòa nhập với cộng đồng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng dạy học Tiếng Việt cho học sinh tự kỉ ở tiểu học trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Hiện nay, ở Việt Nam có 3 hình thức giáo dục cho HS tự kỉ: giáo dục chuyên biệt, giáo dục hội nhập và giáo dục

hòa nhập. Giáo dục hòa nhập là loại hình được nhiều phụ huynh lựa chọn nhất vì nó vừa mang tính kinh tế vừa mang tính nhân văn, giúp HS tự kỉ hòa nhập được với cộng đồng, xã hội với tư cách như một người “bình thường”.

Tuy nhiên, việc học hòa nhập cũng không hề đơn giản do nhận thức của nhiều bậc phụ huynh, thậm chí là giáo viên (GV) đứng lớp và chính cha mẹ của HS tự kỉ. Một số phụ huynh đã phản ánh lo ngại của mình với nhà trường khi biết có HS tự kỉ cùng lớp với con mình, vì họ lo lắng con mình sẽ bị ảnh hưởng từ các bạn tự kỉ, gây nên mất tập trung,... HS tự kỉ có nhiều đặc điểm khác biệt nên cần có những cách giảng dạy chuyên biệt. Trong quá trình dạy môn Tiếng Việt, đối với các HS bình thường, việc sử dụng các phương pháp luyện theo mẫu, giao tiếp,... mang lại hiệu quả tương đối cao. Tuy nhiên, đối với HS tự kỉ, việc sử dụng những phương pháp này gặp rất nhiều khó khăn do các em có chưa có kĩ năng làm việc nhóm, khả năng quan sát kém,... Có thể nói, trong lớp học có cả trẻ tự kỉ và trẻ bình thường, GV cần áp dụng những phương pháp chuyên biệt kết hợp với những phương pháp truyền thống để vừa đảm bảo thời gian vừa đảm bảo nội dung môn học.

Sở GD-ĐT Hải Phòng rất quan tâm đến chương trình giáo dục hòa nhập cho HS các cấp, đặc biệt là cấp tiểu học. Tính đến nay, tại TP. Hải Phòng đã có 2 trường công lập chuyên biệt (dành cho HS khuyết tật độ tuổi tiểu học), đó là Trường Nuôi dạy HS khiếm thị Hải Phòng, Trường Khiếm Thính ở Cát Bi - Hải Phòng. Ngoài ra còn một số trung tâm giúp HS hòa nhập được mở ra như: Trung tâm Mầm xanh Hải Phòng, Trung tâm Hỗ trợ tâm lí cộng đồng Tâm Phúc Hải Phòng,... Để tìm hiểu sâu hơn thực tiễn giáo dục cũng như thực trạng dạy học môn Tiếng Việt cho HS tự kỉ, chúng tôi tiến hành điều tra tại một số trường tiểu học trên địa bàn TP. Hải Phòng và được cung cấp số liệu về HS tự kỉ như sau:

Trong quá trình tìm hiểu, trao đổi về HS mắc chứng tự kỉ, chúng tôi được GV các trường tiểu học rất nhiệt tình cung cấp thông tin. Họ nhấn mạnh, đa số các em HS trên có dấu hiệu tự kỉ (dựa trên những dấu hiệu mà đề tài đưa ra) chứ chưa có hồ sơ công nhận là HS tự kỉ. Nguyên nhân một phần do sự hiểu biết của phụ huynh về vấn đề tự kỉ còn chưa sâu sắc, rõ ràng nên nhiều trường hợp đến khi được kiểm tra thì HS đã rơi vào tình trạng tự kỉ cấp độ cao mà không được can thiệp từ sớm. Điều này cũng mang đến cho chúng tôi nhiều bất cập trong quá trình điều tra.

Qua số liệu, có thể dễ dàng nhận thấy, tại các trường trong khu vực nội thành, số lượng HS mắc chứng tự kỉ cao hơn nhiều so với các khu vực khác và gần như trường nào cũng có HS có dấu hiệu tự kỉ. Những HS có dấu hiệu tự kỉ thường không theo kịp tiến độ học tập của các bạn, các em chỉ hiểu và thực hiện được những nội dung, yêu cầu đơn giản như dừng ở mức độ đọc và làm theo mẫu có sẵn, tuy nhiên điều này vẫn cần thực hiện dưới sự hướng dẫn của GV. Ở lớp 1, nhiều HS tự kỉ không thể đọc tròn chữ, nhớ mặt chữ và khi viết cần phải có GV cầm tay, nếu không sẽ viết sai độ cao hoặc không viết được. Lên các lớp cao hơn, nhiều HS dưới sự rèn giũa, trau dồi kiến thức cả về phía gia đình lẫn trường học đã có thể viết được từ, câu, đoạn văn hoàn chỉnh; tuy nhiên, các em vẫn chưa hiểu được ý nghĩa của chúng một cách trọn vẹn. Phần lớn HS tự kỉ thường không thể thực hiện được các bài kể chuyện hay viết văn vì nó nằm ngoài khả năng của các em. Có thể nói, dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học đối với HS tự kỉ còn gặp rất nhiều khó khăn.

Qua quá trình quan sát hoạt động của HS mắc chứng tự kỉ, chúng tôi thấy, trong giờ học Tiếng Việt, các HS này luôn trong trạng thái thụ động: không xây dựng bài, không thảo luận làm cho HS bị tách biệt ra khỏi nhóm, lớp nên các em không được làm quen, tìm hiểu các câu hỏi GV đưa ra khiến việc tiếp thu kiến thức gặp nhiều khó khăn.

STT	Trường tiểu học	Quận/huyện	Khu vực	Số GV	Số HS	Số HS tự kỉ
1	Chu Văn An	Lê Chân	Thành thị	62	1.211	48
2	Trung Vương	Lê Chân		58	1.128	22
3	Cát Bi	Hải An		51	2.000	25
4	Đặng Hải	Hải An		44	1.245	18
5	Lí Tự Trọng	Kiến An		23	592	9
6	Lê Hồng Phong	Kiến An		46	1.442	12
7	Nguyễn Văn Trỗi	Cát Hải	Huyện đảo	29	725	0
8	Chu Văn An	Cát Hải	Nông thôn	18	382	2
9	Vinh Quang	Vĩnh Bảo		28	550	1
10	Thanh Sơn	Kiến Thụy		26	360	3
Tổng số				385	9.635	140

Sự tập trung chú ý của các em rất ngắn, nhiều em thường ngồi ngẩn người ngẩn nhìn xung quanh không tập trung nghe giảng và đặc biệt HS rất nhanh quên nên việc nhắc lại câu trả lời cũng khó khăn. Việc tự tách ra khỏi nhóm, lớp không chỉ diễn ra trong giờ học mà còn trong giờ ra chơi hay các buổi hoạt động ngoài giờ lên lớp HS tự kỉ không vui chơi cùng các bạn, các em tránh tiếp xúc nhiều với mọi người khiến bản thân bị cô lập, xa lánh. Điều này cũng gây ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lí và sự phát triển của HS tự kỉ. Từ những đặc điểm đã quan sát, tìm hiểu ở trên, chúng tôi nhận thấy, để HS tự kỉ học tập tốt hơn môn Tiếng Việt, cần có những phương pháp riêng phù hợp với đặc điểm hành vi, tâm lí cũng như nhận thức giúp HS tự kỉ vừa có thể tiếp thu kiến thức một cách tốt nhất, vừa hòa nhập với cộng đồng, xã hội.

2.2. Nguyên tắc xây dựng phương pháp dạy học Tiếng Việt cho học sinh tự kỉ ở tiểu học trên địa bàn thành phố Hải Phòng

2.2.1. Phải đảm bảo mục tiêu môn học

Mục tiêu của môn Tiếng Việt là cung cấp những tri thức cơ bản, hiện đại về tiếng Việt, trên cơ sở đó hình thành cho HS những kĩ năng hoạt động lời nói bằng tiếng Việt. Nhưng căn cứ vào mức độ tiếp thu của HS mắc chứng tự kỉ ở tiểu học thì mục tiêu trên có thể vượt quá khả năng hoặc các em chỉ hoàn thành được chúng ở mức độ đơn giản. HS mắc chứng tự kỉ cần hình thành được các kĩ năng tiếng Việt: nghe, nói, đọc, viết ở mức độ sơ giản, thông hiểu.

2.2.2. Phải đảm bảo tính cá biệt

HS tự kỉ gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống và học tập bởi khả năng giao tiếp và ngôn ngữ của các em rất hạn chế. Đa số HS mắc chứng rối loạn phổ tự kỉ đều chậm nói và có những trở ngại trong cách diễn đạt, trong quá trình dạy học cần có những phương pháp chuyên biệt để giáo dục HS tự kỉ. Có rất nhiều phương pháp dạy HS tự kỉ đã được ứng dụng và đạt hiệu quả nhất định. Tuy nhiên, không có một phương pháp nào phù hợp cho mọi HS bị tự kỉ, mỗi HS cần một phương pháp toàn diện, điều độ và nhất quán giữa gia đình với nhà trường.

2.2.3. Phải kết hợp phương pháp dạy học Tiếng Việt nói chung với phương pháp dạy học chuyên biệt

Tiếng Việt là môn học bắt buộc ở tiểu học; để dạy học Tiếng Việt đạt hiệu quả, GV cần sử dụng kết hợp nhiều phương pháp như phân tích ngôn ngữ, luyện theo mẫu và giao tiếp,... Tuy nhiên, hiện nay giáo dục hòa nhập đang được đẩy mạnh nên trong một lớp học có thể có những HS bị mắc chứng tự kỉ theo học. Điều này gây ra nhiều khó khăn về cơ sở vật chất và chuyên môn cho GV. Khi dạy HS tự kỉ, đầu tiên, GV cần chú trọng đến việc hình thành kĩ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ đơn giản rồi mới hướng đến những mục tiêu cao hơn. Bên cạnh những

phương pháp hay sử dụng trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học, GV cần sử dụng kết hợp với các phương pháp chuyên biệt dành cho HS tự kỉ như: bắt chước hành động, nhại âm,... Những phương pháp này phù hợp với khả năng nhận thức và tư duy đơn giản của HS tự kỉ, giúp các em có thể tiếp cận, rèn luyện kĩ năng tiếng Việt, nâng cao khả năng ngôn ngữ và giao tiếp của mình.

2.2.4. Phải xây dựng được môi trường học tập giàu tình yêu thương

HS tự kỉ thường đơn độc trong thế giới của riêng mình, các em luôn cảm thấy thiếu an toàn với xung quanh, không tích cực tiếp nhận những thứ mới lạ, luôn giữ gìn mọi thứ đúng “trật tự” của bản thân, vì thế không thể ngay lập tức dùng “biện pháp mạnh” để đưa HS khỏi vùng an toàn của mình mà phải dùng tình yêu thương, chân thành, dẫn dắt em hòa nhập cộng đồng. HS tự kỉ thường dành thiện cảm cho những thứ quen thuộc, vậy nên muốn giáo dục HS tự kỉ, cần tạo ra một môi trường thân thiện, hạnh phúc, khiến các em hứng thú, tự tin tham gia các hoạt động. Xây dựng môi trường học tập giàu tình yêu thương là đang mở rộng vùng an toàn của HS tự kỉ, khuyến khích các em dũng cảm tìm hiểu thế giới quanh bản thân. Một lớp học giàu tình yêu thương là nơi mà cả GV và HS đều hình thành và duy trì những cảm xúc tích cực, HS được phát triển tình cảm lành mạnh, bồi dưỡng nhân cách tốt đẹp. Dạy Tiếng Việt cho HS tự kỉ ở môi trường giàu tình yêu thương không phải là dạy nhồi nhét, mà là khơi gợi được niềm yêu thích của các em để các em tự tìm hiểu, các hoạt động dạy học được biến đổi đa dạng về hình thức, thậm chí nhằm thu hút các em vào bài học. Môi trường học tập giàu tình yêu thương tạo cho HS tự kỉ sự tự tin, tích cực, hòa đồng với các bạn đồng trang lứa, giúp các em sẵn sàng bước ra khỏi thế giới riêng của mình hòa nhập với cộng đồng.

2.2.5. Phải giúp học sinh tự kỉ hòa nhập cộng đồng

Hoạt động dạy học môn Tiếng Việt ở trường tiểu học có vai trò rất lớn trong việc giáo dục kĩ năng sống cho HS. Kĩ năng sống đặc thù, thể hiện ưu thế của môn Tiếng Việt là những kĩ năng như: giao tiếp, nhận thức (bao gồm nhận thức thế giới xung quanh, tự nhận thức, ra quyết định). Trong sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học, có nhiều bài học mà tên gọi đã thể hiện rõ mục tiêu giáo dục các kĩ năng giao tiếp xã hội như: Lập danh sách HS, Lập thời gian biểu, Viết nhắn tin, Làm biên bản cuộc họp,... Trong giờ Tiếng Việt, GV phải vận dụng nhiều phương pháp dạy phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo của HS như: thực hành giao tiếp, trò chơi học tập, phương pháp nêu và giải quyết vấn đề, phương pháp tổ chức hoạt động nhóm, phương pháp hỏi - đáp... Thông qua các hoạt động học tập, rèn kĩ năng hợp tác, bày tỏ ý kiến cá nhân, đóng vai..., HS có cơ hội rèn luyện, thực hành nhiều kinh nghiệm sống cần thiết. Với HS rối loạn phổ tự kỉ luôn gặp khó khăn trong

tương tác xã hội, giao tiếp ứng xử, hoạt động thường ngày thì việc giáo dục kỹ năng sống là một việc rất cần thiết. Thông qua môn Tiếng Việt, HS tự kỉ sẽ được giáo dục về các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thể hiện tình yêu thương, kỹ năng ứng xử,... giúp HS rời loạn phổ tự kỉ dần được hoà nhập với xã hội và các bạn đồng trang lứa, khắc phục các thiếu hụt trong giao tiếp do bệnh lí gây ra.

HS tự kỉ rất hạn chế trong giao tiếp xã hội, không giao tiếp bằng mắt, không có những giao tiếp “không lời” bằng cử chỉ cơ thể. Các em thường không thích chơi với bạn bè mà chỉ thích chơi một mình. Trong lớp học, HS rời loạn phổ tự kỉ thường làm lì, ít nói, cô giáo hỏi không trả lời, ít biểu hiện cảm xúc, không giơ tay phát biểu ý kiến, không thích hoạt động nhóm, không thiết lập quan hệ với người cùng tuổi. HS tự kỉ có những sở thích, thói quen khác thường nên thường ứng xử không đúng với những chuẩn mực xã hội thông thường. Với những rào cản ngôn ngữ, hành vi..., HS rời loạn phổ tự kỉ gặp rất nhiều khó khăn khi hòa đồng với các bạn, khi học tập các bộ môn trên lớp,... Vậy nên, những phương pháp dạy học chúng tôi đề xuất đặc biệt chú trọng vào việc giúp HS tự kỉ hòa nhập với xã hội, với cộng đồng, có thể học tập, vui chơi như những HS bình thường, xóa tan rào cản khoảng cách giữa HS bình thường và HS rời loạn phổ tự kỉ.

2.3. Một số phương pháp dạy học Tiếng Việt cho học sinh tự kỉ ở tiểu học trên địa bàn thành phố Hải Phòng

2.3.1. Dạy học Tiếng Việt cho học sinh tự kỉ bằng phương pháp “luyện theo mẫu”

Khi GV sử dụng phương pháp “luyện theo mẫu”, HS sẽ được lặp lại ngôn ngữ, các thao tác, các kiểu bài,... với mục đích củng cố, biến cách xử lí kiến thức mới thành thói quen, phản xạ giúp HS ghi nhớ được mẫu và làm được các dạng tương tự mẫu. Đối với HS tự kỉ hạn chế về ngôn ngữ, phương pháp này được coi là tiêu biểu, là bước cơ sở giúp các em ghi nhớ kiến thức, mở rộng được vốn từ bằng cách nhại âm, sử dụng biện pháp bắt chước xử lí được một số kiến thức Tiếng Việt đơn giản mà GV đã làm mẫu. Tuy nhiên, mẫu GV đưa ra phải đảm bảo 3 tiêu chí: *đúng* (đúng nội dung, đúng mục đích,...), *chuẩn* (chuẩn kiến thức khoa học), *cuốn hút* (dễ thu hút, kích thích HS tích cực). Khi đưa mẫu, GV nên làm nổi bật mẫu bằng cách nhấn mạnh từ, cường điệu bằng lời nói hay hành động. Mẫu đưa ra phải đơn giản, dễ hiểu, tránh dùng các từ có nhiều nghĩa khiến HS khó phân biệt trong từng hoàn cảnh. Khi dạy HS học vần, GV đọc mẫu trước rồi yêu cầu HS nhắc lại hoặc nhắc lại tiếng mà bạn vừa đọc. Hoặc dạy kiểu câu “Ai là gì?”, GV nên lấy mẫu là các câu ngắn gọn, đủ ý dễ hiểu như: “Em là HS.”, “Bố em là công nhân”... Bên cạnh đó, GV nên chú trọng biến đổi đa dạng cách thức luyện tập, cách minh họa mẫu cho HS để tránh nhàm chán, nên phối hợp luyện theo mẫu

với các phương pháp dạy học khác để nâng cao hiệu quả học tập và thu hút HS tự kỉ nói riêng, HS nói chung.

2.3.2. Dạy học Tiếng Việt cho học sinh tự kỉ bằng phương pháp PECS

PECS (Picture Exchange Communication System) [4] là phương pháp sử dụng hình ảnh dưới các hình thức khác nhau thay cho ngôn ngữ giúp HS chậm phát triển ngôn ngữ, HS tự kỉ,... có thể học được cách giao tiếp. Ứng dụng phương pháp PECS dạy học Tiếng Việt cho HS tự kỉ ở tiểu học có những lợi thế nhất định: sách giáo khoa Tiếng Việt có một hệ thống kênh hình dày đặc, minh họa nội dung bài học; tâm lí HS tiểu học dễ bị thu hút, kích thích tính tích cực bằng hình ảnh nhiều sắc màu,... Sử dụng phương pháp này, GV dễ dàng mở rộng vốn từ, liên kết được với hình ảnh trong thực tế, giúp tư duy tưởng tượng và ngôn ngữ phát triển hoàn thiện. Ở năm học đầu của tiểu học, bên cạnh dạy HS âm vần và các từ chứa âm vần, GV có thể sử dụng các hình ảnh minh họa trong sách giáo khoa để dạy cho đối tượng HS tự kỉ nhận biết các sự vật, hiện tượng giúp HS ghi nhớ cả ngôn ngữ và hình ảnh. Khi dạy âm “ê”, có từ “ghế” được minh họa bằng hình ảnh bên cạnh, GV dạy HS tự kỉ ghi nhớ được từ và hình ảnh đó đã giúp mở rộng một từ trong vốn từ của HS. Ví dụ, sau khi đã ghi nhớ từ và hình ảnh “ghế”, yêu cầu thực hiện hành động liên quan đến sự vật này (ngồi vào ghế, bê ghế,...), HS tự kỉ sẽ dễ dàng tìm được đối tượng và thực hiện yêu cầu của GV trong quá trình dạy học. Để phát triển tích cực của HS, GV nên chú ý khen ngợi, động viên HS kịp thời, đúng cách, không chê bai khi HS nói sai, làm sai, điều đó sẽ làm HS tự kỉ, khó cởi mở, hòa nhập.

2.3.3. Dạy học tiếng Việt cho học sinh tự kỉ bằng phương pháp trực quan

Trực quan là một phương pháp giúp HS hình thành các khái niệm, biểu tượng trên cơ sở trực tiếp quan sát hiện vật đang học hay đồ dùng trực quan minh họa sự vật. Sử dụng phương pháp trực quan trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học giúp HS hiểu sâu bản chất kiến thức, nhớ kĩ các khái niệm bởi hình ảnh được lưu giữ đặc biệt vững chắc trong trí nhớ là hình ảnh thu nhận bằng trực quan. Khi dạy Luyện từ và câu “Từ ngữ chỉ nghề nghiệp”, với mỗi từ ngữ, GV cho HS quan sát hình ảnh về nghề nghiệp tương ứng giúp các em biết gọi tên, ghi nhớ các công việc tốt hơn. Hay khi dạy HS tả cây bóng mát, GV cho HS quan sát cây, chỉ ra từng bộ phận và nêu những đặc điểm nổi bật nhất của bộ phận đó. Yêu cầu HS tự kỉ phải nắm được các đặc điểm đơn giản nhất của cây bóng mát, viết được một số câu đơn giản như: Thân cây sần sùi, lá cây to, có màu xanh...; sử dụng trực quan phải đúng lúc, đúng chỗ, đảm bảo tính thẩm mĩ, tiết kiệm chi phí. Đối với HS tự kỉ, trực quan giúp các em trực tiếp tri giác, vận dụng các giác quan, trí tưởng tượng và cả ngôn ngữ để biểu đạt suy nghĩ của mình. Việc sử dụng trực quan

đối với GV không phải mới lạ nhưng khi sử dụng với đối tượng HS tự kỉ, GV nên phối hợp, điều chỉnh phù hợp với tâm - sinh lí HS tự kỉ cũng như mặt bằng chung của cả lớp.

2.3.4. Dạy học tiếng Việt cho học sinh tự kỉ bằng phương pháp tích hợp với thơ ca/âm nhạc/hội họa

Âm nhạc, thơ ca, hội họa có một sức mạnh “thần kì” với HS tự kỉ. Có nhiều nghiên cứu cho thấy, khi được hòa mình với âm nhạc, thơ ca, hội họa, HS tự kỉ sẽ chăm chú, tập trung, thậm chí có lúc các em có những phản ứng khó chịu khi những tác động này dừng lại đột ngột. Sử dụng tích hợp âm nhạc, thơ ca, hội họa vào dạy học Tiếng Việt ở tiểu học giúp HS tự kỉ có phản ứng tích cực, tập trung chú ý hơn, dễ dàng ghi nhớ những kiến thức bằng giai điệu, thể hiện được ý nghĩ, cảm xúc thông qua nét vẽ, câu thơ, bài hát. GV có thể sử dụng biện pháp này vào phần giới thiệu bài, giúp kích thích tính tích cực trong học tập của cả lớp nói chung và HS tự kỉ nói riêng, làm cho các em hứng thú với kiến thức bài học. Khi dạy HS học bảng chữ cái, GV có thể cho HS nghe bài hát “A ă ơ” của cô giáo Đỗ Tuyết Nhi để giúp các em tiếp thu kiến thức dễ dàng hơn. Hay trước khi bắt đầu bài tập đọc “*Cô giáo lớp em*” GV cho HS nghe bài hát “*Cô giáo em*” của nhạc sĩ Trần Kiết Tường để thu hút sự chú ý, kích thích sự tò mò của HS tự kỉ vào nội dung bài học. Cuối giờ học, có thể tích hợp hội họa bằng cách cho HS vẽ theo cảm nhận về bài học, giúp HS tự kỉ tăng hứng thú với bài học.

2.3.5. Dạy học Tiếng Việt cho học sinh tự kỉ bằng sử dụng trò chơi học tập

HS tự kỉ thường thờ ơ với mọi việc xung quanh, chậm nói và ít tương tác xã hội, chậm phát triển trí tuệ cũng như những kĩ năng cần thiết khác. Sử dụng phương pháp trò chơi học tập trong dạy học Tiếng Việt giúp HS tự kỉ củng cố kiến thức, thúc đẩy suy nghĩ, phát triển ngôn ngữ, hòa nhập cộng đồng. Với những đặc điểm như vậy, khi sử dụng phương pháp này, GV nên ưu tiên các trò chơi vận động, trò chơi tập thể thúc đẩy quá trình phát triển thể chất, giao tiếp, tương tác xã hội. GV có thể chia lớp thành các nhóm phù hợp, đưa ra chủ đề như: “Tìm các từ chỉ sự vật?”, “Tìm các từ thể hiện tình cảm của mẹ với con?”..., HS sẽ thảo luận với nhau và thi đua đưa ra các đáp án. Trong quá trình đó, HS tự kỉ cùng suy nghĩ để đưa ra các từ thích hợp với yêu cầu, cùng chia sẻ những cảm xúc, được hòa mình với không khí của cả lớp, điều này khiến HS tự kỉ bớt ngại ngùng trong giao tiếp và trở nên tự tin hơn. Khi cho HS tìm những từ ngữ chỉ nghề nghiệp, GV chia bảng thành 2 phần, phần một ghi tên các nghề nghiệp, phần còn lại để dán ảnh. Nhiệm vụ của HS là lựa chọn hình ảnh phù hợp với nghề nghiệp đã cho. Trò chơi này tương đối đơn giản, HS tự kỉ dưới sự giúp đỡ của GV và các bạn sẽ dễ dàng hoàn thành. Bên cạnh đó, còn một số trò chơi khác có thể biến đổi linh hoạt phù hợp với đặc điểm của

HS tự kỉ, đảm bảo được mục đích dạy học: trò chơi ô chữ, trò chơi đóng vai, nối tiếp câu,... Trong quá trình tổ chức trò chơi, ngoài khen thưởng, xử phạt hợp lí, GV cũng nên gợi ý khi HS gặp khó khăn, giải đáp thắc mắc và cuối cùng là tổng kết lại kiến thức có được sau trò chơi.

3. Kết luận

Dạy học Tiếng Việt cho HS tự kỉ ở tiểu học là một quá trình lâu dài, đòi hỏi người dạy phải kiên trì, có niềm tin vào người học. Khó khăn lớn nhất trong quá trình giảng dạy Tiếng Việt cho HS tự kỉ ở tiểu học là cách truyền thụ, tiếp thu giữa hai đối tượng GV và HS. Do đặc điểm tâm - sinh lí khác biệt, để đáp ứng mục tiêu của môn học, người dạy phải phối hợp hài hòa giữa phương pháp dạy học Tiếng Việt và phương pháp dạy học chuyên biệt, sáng tạo cách thức dạy học phong phú. Qua quá trình nghiên cứu các tài liệu và thực tiễn ở địa bàn TP. Hải Phòng, chúng tôi đề xuất các biện pháp dạy học trên cơ sở lí thuyết phù hợp với đặc điểm của HS tự kỉ. Sử dụng linh hoạt các biện pháp trên vào giảng dạy sẽ gây được hứng thú học tập, kích thích trí tò mò, phát triển tư duy, kĩ năng cho HS tự kỉ. Các phương pháp này đều hướng đến mục đích cuối cùng, đó chính là đưa HS tự kỉ hòa nhập với cộng đồng, có thể sử dụng ngôn ngữ một cách thành thạo trong giao tiếp, trong việc thể hiện suy nghĩ bằng lời nói, chữ viết.

Tài liệu tham khảo

- [1] Câu lạc bộ gia đình có học sinh tự kỉ - Trung tâm Đào tạo và phát triển giáo dục đặc biệt, Viện Nhi Quốc gia (2003). *Vì tương lai học sinh tự kỉ*. NXB Hà Nội.
- [2] Đào Thị Thu Thủy (2014). *Điều chỉnh hành vi ngôn ngữ cho trẻ tự kỉ 3-6 tuổi dựa vào bài tập chức năng*. Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- [3] Võ Nguyễn Tinh Vân (2002). *Để hiểu chứng tự kỉ*. NXB Bamboo, Australia.
- [4] Andy Bondy - Lori A. Frost (1994). *Picture Exchange Communication System*. Focus on Autistic behavior, Vol. 9, pp. 1-19.
- [5] Đàm Thị Kim Thu (2018). *Một số biện pháp phát triển ngôn ngữ - giao tiếp cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ*. Tạp chí Giáo dục, số 423, tr 16-18.
- [6] Lê Phương Nga (2019). *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [7] Mai Thị Phương (2017). *Giáo dục kĩ năng học đường cho trẻ tự kỉ chuẩn bị vào lớp 1*. Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- [8] Nguyễn Văn Thành (2006). *Trẻ em tự kỉ - phương thức giáo dục*. NXB Tôn giáo.
- [9] Bộ GD-ĐT (2018). *Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật*.